

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37 /2020/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 20 tháng 07 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH**Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 116/TTr-SYT ngày 15 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là Phòng Y tế cấp huyện), Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là Trung tâm Y tế cấp huyện);

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế được xác định theo quyết định hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Hiện nay, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế gồm

có: Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Tâm Thần, Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Pháp Y, Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm, Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn, Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn, Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn, Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước, Trung tâm Y tế huyện Phù Cát, Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ, Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân, Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn, Trung tâm Y tế huyện Vân Canh, Trung tâm Y tế huyện An Lão, Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh.

4. Bệnh viện tư nhân được xác định theo quyết định hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Hiện nay, Bệnh viện tư nhân gồm có: Bệnh viện đa khoa Hòa Bình, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định - Phần mở rộng.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện báo cáo định kỳ

1. Cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng hình thức, nội dung yêu cầu của từng loại báo cáo.

2. Đảm bảo tính thống nhất, rõ ràng, công khai, cung cấp và chia sẻ thông tin, dữ liệu báo cáo.

3. Đảm bảo khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo, đáp ứng yêu cầu của Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh về công tác y tế.

Điều 4. Đối tượng thực hiện báo cáo, nhận báo cáo

1. Đối tượng thực hiện báo cáo, nhận báo cáo: theo quy định cụ thể tại Chương II Quyết định này.

2. Đầu mối tổng hợp báo cáo cấp tỉnh: Sở Y tế là cơ quan đầu mối tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Y tế đối với những báo cáo thuộc trách nhiệm báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Phương thức gửi, nhận báo cáo

1. Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau đây:

- a) Qua hệ thống Văn phòng điện tử liên thông;
- b) Gửi trực tiếp;
- c) Qua dịch vụ bưu chính;
- d) Qua Fax;

đ) Qua hệ thống thư điện tử công vụ;

e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Tất cả báo cáo được gửi theo các phương thức tại khoản 1 Điều này phải đính kèm tệp tin (file word, excel).

3. Trường hợp có hệ thống phần mềm báo cáo chuyên dùng, phương thức gửi và nhận báo cáo được thực hiện trên hệ thống phần mềm chuyên dùng.

Điều 6. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, cụ thể như sau:

1. Báo cáo định kỳ hằng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

5. Một số báo cáo có thời gian chốt số liệu khác so với khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này được quy định cụ thể trong nội dung của báo cáo tại Chương II Quyết định này.

Điều 7. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ

Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 38/2019/TT-BYT, cụ thể như sau:

1. Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trung tâm Y tế cấp huyện chậm nhất vào ngày 15 của tháng cuối kỳ báo cáo.

2. Thời hạn Phòng Y tế cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Bệnh viện tư nhân, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tổng hợp, gửi báo cáo định kỳ cho Sở Y tế chậm nhất vào ngày 17 của tháng cuối kỳ báo cáo.

3. Thời hạn Sở Y tế tổng hợp, gửi báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo. Trường hợp báo cáo định

kỳ do Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Y tế thì thời gian Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất vào ngày 19 của tháng cuối kỳ báo cáo.

4. Một số báo cáo có thời hạn gửi báo cáo khác so với quy định tại Điều này được quy định cụ thể trong nội dung của báo cáo tại Chương II Quyết định này.

Điều 8. Công bố danh mục báo cáo định kỳ

1. Sở Y tế rà soát, lập danh mục báo cáo định kỳ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì soạn thảo (gồm các nội dung sau đây: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, kỳ báo cáo/tần suất thực hiện báo cáo, mẫu đề cương báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo), trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về chế độ báo cáo định kỳ có hiệu lực thi hành.

Hồ sơ trình gồm: Tờ trình, dự thảo Quyết định công bố danh mục báo cáo định kỳ và gửi đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sau khi nhận được hồ sơ trình công bố, căn cứ quy định pháp luật hiện hành, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra về nội dung và hình thức dự thảo Quyết định công bố. Trường hợp dự thảo Quyết định công bố đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ký ban hành theo quy định.

3. Trường hợp hồ sơ trình công bố chưa đáp ứng đủ điều kiện về nội dung và hình thức, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến góp ý bằng văn bản gửi Sở Y tế để chỉnh lý, hoàn thiện chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình ban hành Quyết định công bố.

Sở Y tế chỉnh lý, hoàn thiện và trình lại dự thảo quyết định công bố chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản góp ý của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế có trách nhiệm đăng tải và duy trì danh mục báo cáo định kỳ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Y tế, đảm bảo thời gian đăng tải chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định chế độ báo cáo có hiệu lực thi hành.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 9. Báo cáo công tác y tế Tuần

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

a) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;

- b) Sở Y tế.
- 2. Cơ quan nhận báo cáo:
 - a) Sở Y tế;
 - b) Ủy ban nhân dân tỉnh.
- 3. Thời gian chốt số liệu: Tính từ thứ 4 tuần trước đến hết thứ 3 tuần báo cáo.
- 4. Thời hạn gửi báo cáo:
 - a) Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh báo cáo Sở Y tế vào thứ 4 hằng tuần;
 - b) Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh vào thứ 5 hằng tuần.
- 5. Tần suất thực hiện báo cáo: tất cả các tuần trong năm.
- 6. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.
- 7. Quy trình thực hiện:
 - a) Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh báo cáo Sở Y tế;
 - b) Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Báo cáo công tác y tế Tháng

- 1. Đối tượng thực hiện báo cáo:
 - a) Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
 - b) Bệnh viện tư nhân;
 - c) Phòng y tế;
 - d) Sở Y tế.
- 2. Cơ quan nhận báo cáo:
 - a) Sở Y tế;
 - b) Ủy ban nhân dân tỉnh.
- 3. Tần suất thực hiện báo cáo: Tháng 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10, 11 (08 lần/năm).
- 4. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.
- 5. Quy trình thực hiện:
 - a) Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, Bệnh viện tư nhân, Phòng Y tế báo cáo Sở Y tế;
 - b) Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Báo cáo công tác y tế Quý I

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:
 - a) Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
 - b) Bệnh viện tư nhân;
 - c) Phòng y tế;
 - d) Sở Y tế.
2. Cơ quan nhận báo cáo:
 - a) Sở Y tế;
 - b) Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Tần suất thực hiện báo cáo: Quý I (01 lần/năm).
4. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.
5. Quy trình thực hiện:
 - a) Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, Bệnh viện tư nhân, Phòng Y tế báo cáo Sở Y tế;
 - b) Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Báo cáo công tác y tế 6 tháng đầu năm

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:
 - a) Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
 - b) Bệnh viện tư nhân;
 - c) Phòng y tế;
 - d) Sở Y tế.
2. Cơ quan nhận báo cáo:
 - a) Sở Y tế;
 - b) Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng đầu năm (01 lần/năm).
4. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.
5. Quy trình thực hiện:
 - a) Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, Bệnh viện tư nhân, Phòng Y tế báo cáo Sở Y tế;

b) Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Báo cáo công tác y tế 9 tháng đầu năm

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

- a) Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- b) Bệnh viện tư nhân;
- c) Phòng y tế;
- d) Sở Y tế.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

- a) Sở Y tế;
- b) Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thời gian chốt số liệu: tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 9 của kỳ báo cáo.

4. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, Bệnh viện tư nhân, Phòng Y tế báo cáo Sở Y tế trước ngày 17 tháng 9 hằng năm.

b) Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 9 hằng năm.

5. Tần suất thực hiện báo cáo: 9 tháng đầu năm (01 lần/năm).

6. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

7. Quy trình thực hiện:

a) Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, Bệnh viện tư nhân, Phòng Y tế báo cáo Sở Y tế;

b) Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Báo cáo công tác y tế Năm

1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

- a) Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- b) Bệnh viện tư nhân;
- c) Phòng y tế;
- d) Sở Y tế.

2. Cơ quan nhận báo cáo:

- a) Sở Y tế;
- b) Ủy ban nhân dân tỉnh.
- 3. Tần suất thực hiện báo cáo: năm (01 lần/năm).
- 4. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.
- 5. Quy trình thực hiện:
 - a) Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế, Bệnh viện tư nhân, Phòng Y tế báo cáo Sở Y tế;
 - b) Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Báo cáo về cơ cấu và nâng cao chất lượng dân số

- 1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Trung tâm Y tế cấp huyện;
- 2. Cơ quan nhận báo cáo: Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình;
- 3. Thời gian chốt số liệu: tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 10 tháng 12 hằng năm.
- 4. Thời hạn gửi báo cáo và quy trình thực hiện: Trung tâm Y tế cấp huyện báo cáo Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.
- 5. Tần suất thực hiện báo cáo: năm (01 lần/năm).
- 6. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: theo Mẫu số 07a, 07b, 07c, 07d tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 16. Báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

- 1. Đối tượng thực hiện báo cáo:
 - a) Ủy ban nhân dân cấp xã;
 - b) Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Trung tâm Y tế cấp huyện);
 - c) Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình;
 - d) Sở Y tế.
- 2. Cơ quan nhận báo cáo:
 - a) Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình;
 - b) Sở Y tế;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thời gian chốt số liệu: tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 tháng 10 hằng năm.

4. Thời hạn gửi báo cáo và quy trình thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện (gửi qua đầu mối là Trung tâm Y tế cấp huyện) trước ngày 20 tháng 10 hằng năm.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua đầu mối là Trung tâm Y tế cấp huyện) tổng hợp, báo cáo Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trước ngày 25 tháng 10 hằng năm.

c) Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tổng hợp, báo cáo Sở Y tế trước ngày 30 tháng 10 hằng năm.

d) Sở Y tế tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 03 tháng 11 hằng năm để báo cáo Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

5. Tần suất thực hiện báo cáo: năm (01 lần/năm).

6. Nội dung và mẫu đề cương báo cáo: theo Mẫu số 08, 08a tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 8 năm 2020.

Điều 18. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Y tế có trách nhiệm:

a) Triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục báo cáo định kỳ lĩnh vực y tế quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

c) Thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với mục tiêu quản lý, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ, Thông tư số 38/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Y tế cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan có

trách nhiệm thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực y tế theo Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng phòng Phòng Y tế cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Bộ Y tế;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Y tế;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KSTT, K15.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định
Ngày ký: 20-07-2020 17:07:52 +07:00

Phan Cao Thắng

Phụ lục
MẪU TRÌNH BÀY CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ LĨNH VỰC Y TẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh)

| STT | Mẫu báo cáo | Tên Báo cáo |
|------------|-----------------------------|--|
| 1 | Mẫu số 01 | Báo cáo công tác y tế Tuần |
| 2 | Mẫu số 02 | Báo cáo công tác y tế Tháng |
| 3 | Mẫu số 03 | Báo cáo công tác y tế Quý I |
| 4 | Mẫu số 04 | Báo cáo công tác y tế 6 tháng đầu năm |
| 5 | Mẫu số 05 | Báo cáo công tác y tế 9 tháng đầu năm |
| 6 | Mẫu số 06 | Báo cáo công tác y tế Năm |
| 7 | Mẫu số 07a, 07b, 07c,07d | Báo cáo về cơ cấu và nâng cao chất lượng dân số |
| 8 | Mẫu số 08, Mẫu số 08a | Báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ của Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình |

Mẫu số 01: Báo cáo công tác y tế Tuần**CƠ QUAN ...¹**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ... /BC-...²...³, ngày ... tháng ... năm ...**BÁO CÁO TUẦN... NĂM ...***(từ ngày tháng năm... đến ngày tháng năm...)*

1. Công tác phòng chống dịch bệnh: tổng hợp thông tin, báo cáo các hoạt động trong công tác phòng chống dịch bệnh.

2. Các công tác khác nổi bật trong tuần:

-

Nơi nhận:

-

- Lưu.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ*(Chữ ký số hoặc chữ ký, họ tên, đóng dấu)*

¹ Tên cơ quan lập báo cáo.

² Chữ viết tắt của tên cơ quan lập báo cáo.

³ Địa danh ghi theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Mẫu số 02: Báo cáo công tác y tế Tháng**CƠ QUAN ...¹**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ... /BC-...²...³, ngày ... tháng ... năm ...**BÁO CÁO****Kết quả công tác ngành y tế Tháng...năm...****I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THÁNG ...NĂM...**

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao;

- Căn cứ vào nhiệm vụ đặt ra trong năm để đánh giá những kết quả đạt được trong kỳ báo cáo theo từng lĩnh vực của hoạt động y tế mà đơn vị đã triển khai, so sánh giữa tình hình thực hiện và chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm, so với cùng kỳ năm trước...., bố cục cơ bản như sau:

1. Đánh giá những kết quả đạt được của công tác y tế trong kỳ báo cáo:

Báo cáo được trình bày và phân tích theo 6 hợp phần của hệ thống y tế, cụ thể như sau:

1.1. Các hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ y tế: Y tế dự phòng, quản lý môi trường y tế, an toàn thực phẩm, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản. Tóm tắt các chỉ tiêu y tế cơ bản,...

1.2. Đào tạo và Nhân lực y tế: Tỷ lệ bác sỹ, dược sỹ/10.000 dân. Triển khai thực hiện Đề án: “Thí điểm đưa bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

1.3. Hệ thống thông tin Y tế: Triển khai đề án phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019 - 2025. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khám chữa bệnh, thanh toán viện phí, thống kê y tế,...

1.4. Dược, trang thiết bị và công trình Y tế: Đấu thầu cung ứng thuốc, trang thiết bị, hóa chất và vật tư y tế...; Công khai kết quả đấu thầu bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả.

1.5. Tài chính, đầu tư và bảo hiểm y tế: Triển khai thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; Triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Kết quả thực hiện dự toán ngân sách, giải ngân vốn đầu tư và chi thường xuyên.

1.6. Quản lý nhà nước và điều hành ngành Y tế: Cải cách thủ tục hành chính; Thanh tra, kiểm tra, hợp tác quốc tế...

2. Phân tích tồn tại, nguyên nhân, những vấn đề còn tồn tại cần ưu tiên giải quyết

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG THÁNG TỚI

1. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Theo 6 hợp phần của hệ thống y tế nêu trên.

2. Các nội dung khác (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

Nơi nhận:

-
- Lưu.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký số hoặc chữ ký, họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan lập báo cáo.

² Chữ viết tắt của tên cơ quan lập báo cáo.

³ Địa danh ghi theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Mẫu số 03: Báo cáo công tác y tế Quý I**CƠ QUAN ...¹**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ... /BC-...²...³, ngày ... tháng ... năm ...**BÁO CÁO****Kết quả công tác Quý I năm...
và phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới**

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUÝ NĂM...

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao;

- Căn cứ vào nhiệm vụ đặt ra trong năm để đánh giá những kết quả đạt được trong kỳ báo cáo theo từng lĩnh vực của hoạt động y tế mà đơn vị đã triển khai. So sánh tình hình thực hiện và chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm, so sánh với cùng kỳ năm trước...., bố cục cơ bản như sau:

1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương ảnh hưởng đến lĩnh vực y tế Quý I năm...

2. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản Quý I năm...: Các chỉ tiêu y tế cơ bản được Hội đồng nhân dân tỉnh/ Ủy ban nhân dân tỉnh giao/kế hoạch của ngành y tế. So sánh với các chỉ tiêu y tế cơ bản so với kế hoạch được giao đầu năm.

3. Đánh giá những kết quả đạt được của công tác y tế trong kỳ báo cáo:

Báo cáo được trình bày và phân tích theo 6 hợp phần của hệ thống y tế, cụ thể như sau:

3.1. Các hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ y tế: Y tế dự phòng, quản lý môi trường y tế, an toàn thực phẩm, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản. Tóm tắt các chỉ tiêu y tế cơ bản,...

3.2. Đào tạo và Nhân lực y tế: Tỷ lệ bác sỹ, dược sỹ/10.000 dân. Triển khai thực hiện Đề án: “Thí điểm đưa bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

3.3. Hệ thống thông tin Y tế: Triển khai đề án phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019 - 2025. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khám chữa bệnh, thanh toán viện phí, thống kê y tế,...

3.4. Dựợc, trang thiết bị và công trình Y tế: Đấu thầu cung ứng thuốc, trang thiết bị, hóa chất và vật tư y tế...; Công khai kết quả đấu thầu bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả.

3.5. Tài chính, đầu tư và bảo hiểm y tế: Triển khai thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; Triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Kết quả thực hiện dự toán ngân sách, giải ngân vốn đầu tư và chi thường xuyên.

3.6. Quản lý nhà nước và điều hành ngành Y tế: Cải cách thủ tục hành chính; Thanh tra, kiểm tra và hợp tác quốc tế...

4. Phân tích tồn tại, nguyên nhân, những vấn đề còn tồn tại cần ưu tiên giải quyết

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI.

1. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Theo 6 hợp phần của hệ thống y tế nêu trên.

2. Các nội dung khác (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

Nơi nhận:

-
- Lưu.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký số hoặc chữ ký, họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan lập báo cáo.

² Chữ viết tắt của tên cơ quan lập báo cáo.

³ Địa danh ghi theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Mẫu số 04: Báo cáo công tác y tế 06 tháng đầu năm**CƠ QUAN ...¹**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ... /BC-...²...³, ngày ... tháng ... năm ...**BÁO CÁO****Kết quả công tác 6 tháng đầu năm...
và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm**

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao;

- Căn cứ vào nhiệm vụ đặt ra trong năm để đánh giá những kết quả đạt được trong kỳ báo cáo theo từng lĩnh vực của hoạt động y tế mà đơn vị đã triển khai. Khi phân tích phải so sánh giữa tình hình thực hiện và chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm, so với cùng kỳ năm trước..., bố cục cơ bản như sau:

1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương ảnh hưởng đến lĩnh vực y tế 6 tháng đầu năm...

2. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản 6 tháng: Các chỉ tiêu y tế cơ bản được Hội đồng nhân dân tỉnh/ Ủy ban nhân dân tỉnh giao/kế hoạch của ngành y tế. So sánh với các chỉ tiêu y tế cơ bản so với kế hoạch được giao đầu năm.

3. Đánh giá những kết quả đạt được của công tác y tế trong kỳ báo cáo:

Báo cáo được trình bày và phân tích theo 6 hợp phần của hệ thống y tế, cụ thể như sau:

3.1. Các hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ y tế: Y tế dự phòng, quản lý môi trường y tế, an toàn thực phẩm, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản. Tóm tắt các chỉ tiêu y tế cơ bản,...

3.2. Đào tạo và Nhân lực y tế: Tỷ lệ bác sỹ, dược sỹ/10.000 dân. Triển khai thực hiện Đề án: “Thí điểm đưa bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

3.3. Hệ thống thông tin Y tế: Triển khai đề án phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khám chữa bệnh, thanh toán viện phí, thống kê y tế,...

3.4. Dược, trang thiết bị và công trình Y tế: Đấu thầu cung ứng thuốc, trang thiết bị, hóa chất và vật tư y tế...; Công khai kết quả đấu thầu bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả.

3.5. Tài chính, đầu tư và bảo hiểm y tế: Triển khai thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; Triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Kết quả thực hiện dự toán ngân sách, giải ngân vốn đầu tư và chi thường xuyên.

3.6. Quản lý nhà nước và điều hành ngành Y tế: Cải cách thủ tục hành chính; Thanh tra, kiểm tra và hợp tác quốc tế...

4. Phân tích tồn tại, nguyên nhân, những vấn đề còn tồn tại cần ưu tiên giải quyết

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ THỜI GIAN 6 THÁNG CUỐI NĂM

1. Bối cảnh

2. Mục tiêu và chỉ tiêu y tế cơ bản: Dựa vào Kế hoạch trong năm ngành Y tế, Chiến lược quốc gia về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, HĐND, UBND...

- Mục tiêu chung
- Mục tiêu cụ thể
- Các chỉ tiêu Y tế cơ bản

3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Theo 6 hợp phần của hệ thống y tế nêu trên.

4. Dự toán ngân sách (nếu có).

5. Tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

Nơi nhận:

-
- Lưu.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký số hoặc chữ ký, họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan lập báo cáo.

² Chữ viết tắt của tên cơ quan lập báo cáo.

³ Địa danh ghi theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Mẫu số 05: Báo cáo công tác y tế 09 tháng đầu năm**CƠ QUAN ...¹**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ... /BC-...²...³, ngày ... tháng ... năm ...**BÁO CÁO****Kết quả công tác 9 tháng đầu năm...
và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm**

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM...

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao;
- Căn cứ vào nhiệm vụ đặt ra trong năm để đánh giá những kết quả đạt được trong kỳ báo cáo theo từng lĩnh vực của hoạt động y tế mà đơn vị đã triển khai. Khi phân tích phải so sánh giữa tình hình thực hiện và chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm, so với cùng kỳ năm trước..., bố cục cơ bản như sau:

1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương ảnh hưởng đến lĩnh vực y tế 9 tháng đầu năm.

2. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản 9 tháng: Các chỉ tiêu y tế cơ bản được Hội đồng nhân dân tỉnh/ Ủy ban nhân dân tỉnh giao/kế hoạch của ngành y tế. So sánh với các chỉ tiêu y tế cơ bản so với kế hoạch được giao đầu năm.

3. Đánh giá những thành tựu đạt được của công tác y tế trong kỳ báo cáo:

Báo cáo được trình bày và phân tích theo 6 hợp phần của hệ thống y tế, cụ thể như sau:

3.1. Các hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ y tế: Y tế dự phòng, quản lý môi trường y tế, an toàn thực phẩm, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản. Tóm tắt các chỉ tiêu y tế cơ bản,...

3.2. Đào tạo và Nhân lực y tế: Tỷ lệ bác sỹ, dược sỹ/10.000 dân. Triển khai thực hiện Đề án: “Thí điểm đưa bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

3.3. Hệ thống thông tin Y tế: Triển khai đề án phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019 - 2025. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khám chữa bệnh, thanh toán viện phí, thống kê y tế,...

3.4. Dực, trang thiết bị và công trình Y tế: Đấu thầu cung ứng thuốc, trang thiết bị, hóa chất và vật tư y tế...; Công khai kết quả đấu thầu bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả.

3.5. Tài chính, đầu tư và bảo hiểm y tế: Triển khai thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; Triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Kết quả thực hiện dự toán ngân sách, giải ngân vốn đầu tư và chi thường xuyên.

3.6. Quản lý nhà nước và điều hành ngành Y tế: Cải cách thủ tục hành chính; Thanh tra, kiểm tra và hợp tác quốc tế...

4. Phân tích tồn tại, nguyên nhân, những vấn đề còn tồn tại cần ưu tiên giải quyết

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM

1. Bối cảnh

2. Mục tiêu và chỉ tiêu y tế cơ bản: Dựa vào Kế hoạch năm ngành Y tế, Chiến lược quốc gia về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, HĐND, UBND...

- Mục tiêu chung
- Mục tiêu cụ thể
- Các chỉ tiêu Y tế cơ bản

3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Theo 6 hợp phần của hệ thống y tế nêu trên.

4. Dự toán ngân sách (nếu có).

5. Tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

Nơi nhận:

-
- Lưu.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký số hoặc chữ ký, họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan lập báo cáo.

² Chữ viết tắt của tên cơ quan lập báo cáo.

³ Địa danh ghi theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Mẫu số 06: Báo cáo công tác y tế Năm**CƠ QUAN ...¹**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ... /BC-...²...³, ngày ... tháng ... năm ...**BÁO CÁO****Kết quả công tác ngành Y tế năm 20...**

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 20...

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao;

- Căn cứ vào nhiệm vụ đặt ra trong năm để đánh giá những kết quả đạt được trong kỳ báo cáo theo từng lĩnh vực của hoạt động y tế mà đơn vị đã triển khai. Khi phân tích phải so sánh giữa tình hình thực hiện và chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm, so với cùng kỳ năm trước..., bố cục cơ bản như sau:

1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương ảnh hưởng đến lĩnh vực y tế năm 20...

2. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản năm 20...: Các chỉ tiêu Y tế cơ bản được Hội đồng nhân dân/Ủy ban nhân dân/kế hoạch ngành Y tế giao kỳ báo cáo. So sánh với các chỉ tiêu y tế cơ bản so với kế hoạch được giao đầu năm.

3. Đánh giá những thành tựu đạt được của công tác y tế trong kỳ báo cáo:

Báo cáo được trình bày và phân tích theo 6 hợp phần của hệ thống y tế, cụ thể như sau:

3.1. Các hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ y tế: Y tế dự phòng, quản lý môi trường y tế, an toàn thực phẩm, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản. Tóm tắt các chỉ tiêu y tế cơ bản,...

3.2. Đào tạo và Nhân lực y tế: Tỷ lệ bác sỹ, dược sỹ /10.000 dân. Triển khai thực hiện Đề án: “Thí điểm đưa bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

3.3. Hệ thống thông tin y tế: Triển khai đề án phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019 - 2025. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng và thực hiện Chính phủ điện tử.

3.4. Dược, trang thiết bị và công trình y tế: Đấu thầu cung ứng thuốc, trang thiết bị, hóa chất và vật tư y tế; Công khai kết quả đấu thầu bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả.

3.5. Tài chính, đầu tư và bảo hiểm y tế: Triển khai thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế; Triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Kết quả thực hiện dự toán ngân sách, giải ngân vốn đầu tư và chi thường xuyên.

3.6. Quản lý nhà nước và điều hành ngành Y tế: Cải cách thủ tục hành chính; thanh tra, kiểm tra và hợp tác quốc tế.

4. Phân tích tồn tại, nguyên nhân, những vấn đề còn tồn tại cần ưu tiên giải quyết

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 20...

1. Bối cảnh

2. Mục tiêu và chỉ tiêu y tế cơ bản: Dựa vào Kế hoạch năm ngành y tế, Chiến lược quốc gia về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, HĐND, UBND.

- Mục tiêu chung
- Mục tiêu cụ thể
- Các chỉ tiêu y tế cơ bản

3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Theo 6 hợp phần của hệ thống y tế nêu trên.

4. Dự toán ngân sách (nếu có).

5. Tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

Nơi nhận:

-;
- Lưu.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký số hoặc chữ ký, họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan lập báo cáo.

² Chữ viết tắt của tên cơ quan lập báo cáo.

³ Địa danh ghi theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

**Mẫu số 07a (tt):
BÁO CÁO**

Kết quả thực hiện các hoạt động sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh năm 20...

| Sàng lọc sơ sinh | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---------------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------------------|--|---|-------------------|----------------|-------------------------------|------------------------------|------|--------------------------|-------------------|----------------|-------------------------------|------------------------------|------|-------------------------------|-------------------|----------------|-------------------------------|------------------------------|------|---|-------------|----------------------|
| Số trẻ sinh sống năm 2019 | Số trẻ được sàng lọc sơ sinh | Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (%) | Trong đó | | Số ca nguy cơ mắc các bất thường bẩm sinh | | | | | | Số ca chẩn đoán xác định | | | | | | Số ca được theo dõi, điều trị | | | | | | Số cơ sở y tế triển khai lấy mẫu máu gót chân | | |
| | | | Sàng lọc được hỗ trợ kinh phí CTMT | Sàng lọc sơ sinh (hỗ trợ từ nguồn khác, xã hội hóa...) | Tổng số | Suy giáp bẩm sinh | Thiếu men G6PD | Tăng sản thượng thận bẩm sinh | Rối loạn chuyển hóa bẩm sinh | Khác | Tổng số | Suy giáp bẩm sinh | Thiếu men G6PD | Tăng sản thượng thận bẩm sinh | Rối loạn chuyển hóa bẩm sinh | Khác | Tổng số | Suy giáp bẩm sinh | Thiếu men G6PD | Tăng sản thượng thận bẩm sinh | Rối loạn chuyển hóa bẩm sinh | Khác | Tuyên tỉnh | Tuyên huyện | Tuyên xã (trạm y tế) |
| 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26=27+...31 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32=33+...37 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38=39+...43 | 39 | 40 | 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Nơi nhận:

-
- Lưu.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký số hoặc chữ ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 07b:

BÁO CÁO**Kết quả thực hiện hoạt động về Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân năm 20...****CƠ QUAN ...¹**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ... /BC-...²...³, ngày ... tháng ... năm ...**BÁO CÁO****Kết quả thực hiện hoạt động về Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân năm 20...**

| STT | Tổng số huyện được triển khai | Số xã được triển khai | Hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề | | Truyền thông trên đài phát thanh | | Câu lạc bộ | | Tài liệu được phân phát | | | Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân | | | | Sinh hoạt ngoại khóa trường phổ thông | | |
|-----|-------------------------------|-----------------------|--|-------------------|----------------------------------|---------|---------------------|--|-------------------------|----------|-------------------|---------------------------------------|-----------------------------|-------------------|------|---------------------------------------|--------------------------|-------------------|
| | | | Số buổi/lớp | Số người tham gia | Số bài | Số buổi | Số lượng câu lạc bộ | Số lượng thành viên tham gia sinh hoạt | Tờ rơi | Cẩm nang | Các tài liệu khác | Số người được tư vấn | Số người được khám sức khỏe | Khám cận lâm sàng | | Số người phát hiện bệnh | Số điểm trường phổ thông | Số buổi sinh hoạt |
| | | | | | | | | | | | | | | Siêu âm | Khác | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Nơi nhận:

-
- Lưu.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ*(Chữ ký số hoặc chữ ký, họ tên, đóng dấu)***Mẫu số 07c:****BÁO CÁO****Kết quả thực hiện Đề án Kiểm soát mắt cân bằng giới tính khi sinh năm 20...**

CƠ QUAN ...¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: ... /BC-...²...³, ngày ... tháng ... năm ...**BÁO CÁO****Kết quả thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh năm 20...**

| STT | Đơn vị hành chính (quận, huyện) | Địa bàn xã được triển khai | Tỷ số giới tính khi sinh năm 2019 | Hội thảo, nói chuyện chuyên đề | | Tập huấn | | Sinh hoạt các CLB về giới tính khi sinh | | | Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng | | | Cung cấp các sản phẩm truyền thông | | | Rà soát các văn bản quy định, quy ước của địa phương | | Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật | | | |
|-----|---------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|------------------------|----------|------------------------|---|---------|------------------------|---|--------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|------|----------------------------|--|---------|---|-------------------------|----------------------------------|--|
| | | | | Số buổi | Tổng số người tham gia | Số lớp | Tổng số người tham gia | Số Câu lạc bộ | Số buổi | Tổng số người tham gia | Chương trình truyền hình | Phát thanh, truyền thanh | Tin bài, chuyên trang trên báo viết | Tờ rơi, sách mỏng | Pano | Băng, đĩa và sản phẩm khác | Rà soát | Sửa đổi | Số đợt | Số đơn vị được kiểm tra | Số trường hợp phát hiện sai phạm | Số trường hợp xử lý hoặc đề xuất xử lý |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 |
| | Cộng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Nơi nhận:

-
- Lưu.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký số hoặc chữ ký, họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 07d:
BÁO CÁO**

Kết quả thực hiện Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi năm 20...

CƠ QUAN ...¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /BC-...²

...³, ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi năm 20...

| STT | Đơn vị hành chính (quận, huyện) | Địa bàn xã được triển khai | Khám sức khỏe định kỳ cho NCT năm 2019 | | | Hội thảo, hội nghị về các nội dung của Đề án | | Tập huấn phổ biến kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe NCT | | Tổ chức các sự kiện truyền thông về chăm sóc sức khỏe NCT | | Sản xuất và phát sóng các chuyên đề về chăm sóc sức khỏe NCT trên các phương tiện thông tin đại chúng | | | Hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ NCT | | | Tình nguyện viên chăm sóc NCT | | Số cơ sở chăm sóc NCT trên địa bàn tỉnh | | Thẻ bảo hiểm y tế | |
|-----|---------------------------------|----------------------------|--|------------------|---------------------|--|------------------------|--|------------------------|---|------------------------|---|---|-------------------------------------|------------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------------------|-------------------------|---|----------------|-----------------------------|-------|
| | | | Số NCT | Số NCT được khám | Tỷ lệ NCT được khám | Số hội thảo | Tổng số người tham gia | Số lớp | Tổng số người tham gia | Số sự kiện | Tổng số người tham gia | Chương trình, tin bài phát sóng trên truyền hình | Chương trình, tin bài phát sóng trên đài phát thanh | Tin bài, chuyên trang trên báo viết | Số CLB sinh hoạt tập trung | Số buổi sinh hoạt | Số người NCT tham gia | Số lượng | Số lần thăm NCT tại nhà | Công lập | Ngoài công lập | Số NCT có thẻ bảo hiểm y tế | Tỷ lệ |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Nơi nhận:

-
- Lưu.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký số hoặc chữ ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 08:**BÁO CÁO**

Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ

CƠ QUAN ...¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: .../BC-...²...³, ngày ... tháng ... năm ...**BÁO CÁO**

Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ trên địa bàn... năm... như sau:

1. Tổng số đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ trên địa bàn đã nhận kinh phí hỗ trợ:, trong đó phân theo các nhóm đối tượng được hỗ trợ:.....

2. Tổng số tiền hỗ trợ: (bằng chữ) đồng, trong đó, ngân sách Trung ương:; ngân sách địa phương

3. Tổng số đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đã nhận tiền nhưng vi phạm cam kết không sinh thêm con trái với chính sách dân số:

4. Tổng số tiền thu hồi: (bằng chữ):đồng.

(Biểu mẫu 08a kèm theo)

5. Nguyên nhân vi phạm cam kết không sinh thêm con trái với chính sách dân số

.....

6. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện

.....

7. Đề xuất, kiến nghị

.....

Nơi nhận:

-

- Lưu.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký số hoặc chữ ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 08a:
Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP
ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ

CƠ QUAN ...¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-...²

...³, ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ

| Số TT | Huyện, xã | Số đối tượng được hưởng chính sách | | Kinh phí hỗ trợ (ngàn đồng) | Kinh phí thu hồi (ngàn đồng) |
|-------|----------------|------------------------------------|--------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | | Đúng chính sách | Vi phạm chính sách | | |
| A | B | 1 | 2 | 3=1x2.000.000 | 4=2x2.000.000 |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| ... | | | | | |
| | Tổng số | | | | |

1. Tổng số đối tượng được hưởng chính sách:
2. Tổng kinh phí hỗ trợ: (Viết bằng chữ):ngàn đồng.
3. Tổng kinh phí thu hồi: (Viết bằng chữ):ngàn đồng.

Nơi nhận:

-

- Lưu.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký số hoặc chữ ký, họ tên, đóng dấu)